



**Saigon Water**  
one-stop total water solution

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2018

Số: 490 /2018/CV-SGW.KT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM**

*V/v: Công bố Nghị quyết của Hội đồng Quản trị*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

Điện thoại: 028 62918483 Fax: 028 62918489

Website: [www.saigonwater.com.vn](http://www.saigonwater.com.vn)

Mã chứng khoán: **SII**

Loại thông tin công bố: ☒ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:**

Ngày 16/11/2018, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (mã chứng khoán SII) đã ban hành Nghị quyết số 44/2018/SGW/NQ-HĐQT theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua một số nội dung quan trọng như sau:

- Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2018 và 9 tháng đầu năm 2018.
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo tờ trình số 475/2018/Ttr-SGW.FI ngày 06 tháng 11 năm 2018

Mọi thông tin chi tiết xin xem thêm Nghị quyết số 44/2018/SGW/NQ-HĐQT ngày 16/11/2018 đính kèm.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Trân trọng!

*Nơi gửi:*

*-Như trên;*

*-Lưu VT.*



**NGUYỄN VĂN THÀNH**





**Saigon Water**  
one-stop total water solution

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 44/2018/SGW/NQ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Khoá 13 thông qua ngày 16/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Hoạt động của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 44./2018/BB-HĐQT-SGW ngày 12/11/2018;

**QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2018 và 9 tháng đầu năm 2018;
- Điều 2.** Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo tờ trình số 475/2018/Ttr-SGW.FI ngày 06 tháng 11 năm 2018;
- Điều 3.** Yêu cầu Ban điều hành Saigon Water xây dựng kế hoạch dòng tiền Quý 4 năm 2018 và dòng tiền từ năm 2019 đến năm 2025 chi tiết hơn và trình Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất;
- Điều 4.** Phê duyệt kế hoạch thực hiện đầu tư mở rộng, hoàn thiện hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Củ chi năm 2019 theo tờ trình số 478/2018/Ttr-SGW/CC ngày 06 tháng 11 năm 2018, với các nội dung như sau:
- Ưu tiên đầu tư xây dựng trước 2 hạng mục: Tuyến ống chuyển tải nước sạch cung cấp cho xã Bình Mỹ và xây dựng tuyến ống nước sạch để hoà mạng nguồn nước mặt cấp cho trạm cấp nước An Nhơn Tây.
  - Riêng 2 hạng mục: Xây dựng tuyến ống phân phối nước sạch đường Võ Văn Bích, xã Bình Mỹ và đầu tư bổ sung tuyến ống phân phối nước sạch trên địa bàn các xã đã có tuyến nước sạch sẽ đầu tư sau.







**Saigon Water**  
one-stop total water solution

- Giao Tổng giám đốc công ty tiến hành sắp xếp nguồn vốn phù hợp để thực hiện, đồng thời giao Tổng giám đốc công ty triển khai, tiến hành lựa chọn nhà thầu thực hiện các bước từ việc chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành công trình theo đúng luật định;

**Điều 5.** Giao Ban điều hành thực hiện phương án trích dự phòng nợ phải thu tiền nước Củ Chi từ năm 2015 đến tháng 05/2018 theo tờ trình số 479/2018/SGW/TT.FI ngày 06/11/2018 theo chuẩn mực kế toán hiện hành phù hợp với quy định của pháp luật;

**Điều 6.** Thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thêm 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 -2021 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất, nâng tổng số thành viên hội đồng quản trị tổng cộng 09 thành viên, nhằm đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật. Trong đó: MWSAH đề cử bổ sung 01 thành viên và VIAC đề cử bổ sung 01 thành viên;

**Điều 7.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.



Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban điều hành Saigon Water;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ VŨ HOÀNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**NƯỚC SÀI GÒN**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số.: 475/ /2018/Ttr-SGW.FI

HCMC, ngày 06 tháng 11 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

V/v: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị**  
**Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**

**A. Tổng quan kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	280,34	240,71	86%
Doanh thu hoạt động tài chính (không gồm lãi tiền gửi)	46,19	20,29	44%
Thu nhập khác	200,64	200,54	100%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>527,17</b>	<b>461,54</b>	<b>88%</b>
Tổng chi phí trực tiếp	188,69	146,65	78%
Tổng chi phí gián tiếp	68,92	66,78	97%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>257,60</b>	<b>213,43</b>	<b>83%</b>
<b>LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG</b>	<b>269,56</b>	<b>248,11</b>	<b>92%</b>
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	92,43	98,17	106%
Khấu hao văn phòng, hành chính	4,00	4,08	102%
Thu nhập tiền gửi	56,47	8,48	15%
Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá	149,58	112,36	75%
Chi phí khác	0,34	0,24	71%
Thu nhập từ Cty liên doanh, liên kết	15,19	57,59	379%
Điều chỉnh hợp nhất	(8,39)	(15,42)	184%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>86,47</b>	<b>83,91</b>	<b>97%</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>61,61</b>	<b>68,51</b>	<b>111%</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(11,75)	(14,63)	125%
<b>LNST CỦA CỔ ĐÔNG CTY MẸ</b>	<b>73,36</b>	<b>83,14</b>	<b>113%</b>

Lợi nhuận đóng góp theo từng dự án/ khoản đầu tư như sau:

Dvt: tỷ đồng

CÔNG TY	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
SII mẹ	17,82	(4,33)	-24%
Dự án Củ Chi	49,96	56,66	113%
CTCP Kỹ thuật Enviro	12,42	0,08	1%
Saigon - Dankia	4,64	6,23	134%
Saigon - Pleiku	(12,72)	(14,00)	110%
Saigon - An Khê	(9,18)	(14,00)	153%
CTCP CTN Gia Lai	(4,01)	0,02	-1%
CTCP Giải pháp Mạng nước Châu Á	(4,12)	(4,33)	105%
CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp	15,19	57,59	379%
Điều chỉnh hợp nhất	(8,39)	(15,42)	184%
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>61,61</b>	<b>68,51</b>	<b>111%</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(11,75)	(14,63)	125%
<b>LNST CỦA CỔ ĐÔNG CTY MẸ</b>	<b>73,36</b>	<b>83,14</b>	<b>113%</b>

## B. Kế hoạch chi tiết:

### 1. Công ty mẹ:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Doanh thu hoạt động tài chính (không gồm lãi tiền gửi)	46,19	20,29	44%
Doanh thu lãi tiền gửi, cho vay	20,77	8,00	39%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>66,95</b>	<b>28,29</b>	<b>42%</b>
Chi phí quản lý	16,02	13,69	85%
<b>EBITDA</b>	<b>50,93</b>	<b>14,60</b>	<b>29%</b>
Chi phí khấu hao	0,24	0,16	65%
Chi phí tài chính	22,06	18,78	85%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>28,63</b>	<b>(4,33)</b>	<b>-15%</b>
Thuế TNDN	10,82	-	0%
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>17,82</b>	<b>(4,33)</b>	<b>-24%</b>

#### a. Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu tài chính: Năm 2018 ghi nhận khoản thu nhập tài chính lớn từ giao dịch thoái vốn Cần Thơ WASSCO, tuy nhiên dự kiến năm 2019 sẽ không có khoản thoái vốn nào nên doanh thu hoạt động tài chính sẽ thấp đi đáng kể. Mặt khác, dự kiến cổ tức nhận được trong năm 2019 sẽ tăng so với năm 2018: BOO Thủ Đức khoảng 8 tỷ và Tân Hiệp 2 khoảng 12 tỷ. Doanh thu tiền gửi năm 2019 đến từ lãi phát sinh từ khoản phải thu Diamond Riverside tính đến hết tháng 08/2019 trung bình 1 tỷ đồng/tháng.
- Chi phí tài chính: do trong 2019 dự kiến sẽ thanh toán 85 tỷ đồng trái phiếu đến hạn nên chi phí lãi vay giảm còn gần 19 tỷ đồng.

- Chi phí quản lý: song song với việc quản lý chi phí tài chính, việc tiết giảm chi phí quản lý cũng được đặt ra, mục tiêu trong năm 2019 kiểm soát chi phí quản lý ở mức 13,5 tỷ đồng.

b. Các công việc cần thực hiện:

- Đảm bảo Tân Hiệp 2 thực hiện việc chi trả cổ tức;
- Xem xét việc phát hành tăng vốn và thực hiện các thủ tục trả nợ trước hạn trái phiếu cũng như thu hồi tài sản đảm bảo cho trái phiếu tương ứng với giá trị trái phiếu đã thanh toán;
- Thực hiện tiết giảm chi phí theo mục tiêu đã đề ra.

2. Dự án Củ Chi:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Tổng sản lượng theo năm (m3)	6.263.257	8.308.500	133%
Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)	17.160	22.763	133%
Giá bình quân (VND/m3)	7.193	8.113	113%
Doanh thu thuần cung cấp nước sạch	45,05	67,41	150%
Thu nhập khác	200,02	200,30	100%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>245,07</b>	<b>267,71</b>	<b>109%</b>
Tổng chi phí trực tiếp	35,98	48,63	135%
Tổng chi phí gián tiếp	20,78	17,65	85%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>56,76</b>	<b>66,28</b>	<b>117%</b>
<b>LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG</b>	<b>188,31</b>	<b>201,43</b>	<b>107%</b>
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	61,03	61,78	101%
Khấu hao văn phòng, hành chính	1,21	1,40	116%
Thu nhập tiền gửi	2,82	-	0%
Chi phí lãi vay	68,44	66,69	97%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>60,45</b>	<b>71,56</b>	<b>118%</b>
Thuế TNDN	10,47	14,90	142%
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>49,99</b>	<b>56,66</b>	<b>113%</b>

a. Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu: mục tiêu sản lượng ghi thu trong năm 2019 là 8,31 triệu m3, tương đương trung bình khoảng 22.700 m3/ngày. Dự báo đơn giá bán trung bình khoảng 8.100 đồng/m3. Bên cạnh đó, Dự án vẫn tiếp tục ghi nhận thu nhập khác từ khoản phân bổ 200 tỷ đồng như năm 2018.
- Chi phí hoạt động: chi phí vận hành trực tiếp dự kiến sẽ tăng do sản lượng tăng; trong khi đó chi phí quản lý do nằm trong mục tiêu tiết giảm chi phí của Công ty nên có giảm nhẹ.

- Chi phí tài chính dự kiến giảm nhẹ từ khoảng 69 tỷ năm 2018 xuống còn 67 tỷ năm 2019 do thanh toán 1 phần nợ gốc đến hạn của khoản vay Vietinbank.

b. Các công việc cần thực hiện:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tăng sản lượng ghi thu, chú trọng đến khối khách hàng thương mại và sản xuất để tăng mức giá bán bình quân;
- Thực hiện tiết giảm chi phí theo mục tiêu đã đề ra.

**3. CTCP Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia (Saigon Dankia):**

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Tổng sản lượng theo năm (m3)	9.224.441	9.125.000	99%
Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)	25.272	25.000	99%
Giá bình quân (VND/m3)	5.348	5.797	108%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50,65	52,90	104%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>50,65</b>	<b>52,90</b>	<b>104%</b>
Chi phí trực tiếp	25,01	26,47	106%
Chi phí gián tiếp	4,34	4,46	103%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>29,35</b>	<b>30,93</b>	<b>105%</b>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ &amp; KHẤU HAO</b>	<b>21,31</b>	<b>21,97</b>	<b>103%</b>
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	10,97	10,99	100%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,81	0,81	100%
Chi phí tài chính	4,66	3,62	78%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>4,87</b>	<b>6,55</b>	<b>134%</b>
Thuế TNDN	0,24	0,33	136%
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>4,64</b>	<b>6,23</b>	<b>134%</b>

a. Các chỉ tiêu chính:

Lợi nhuận sau thuế trong năm 2019 tăng nhẹ nhờ giá bán nước tăng 449 đồng, đồng thời vẫn giữ sản lượng ghi thu ở mức 25.000 m3/ngày, tương đương khoảng 9,12 triệu m3/năm. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý chung không tăng đáng kể. Chi phí tài chính giảm đáng kể do thanh toán nợ gốc trong kỳ.

b. Các công việc cần thực hiện:

- Hoàn thành việc tăng giá bán sỉ;
- Nghiên cứu, tìm kiếm nguồn đầu ra khác để tăng sản lượng ghi thu.

**4. CTCP Kỹ thuật Enviro:**

Trong năm 2019, Ban điều hành dự kiến hoạt động của Enviro sẽ suy giảm đáng kể do chưa có nhiều dự án mới trong kế hoạch 2019 của Enviro.

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
----------	--------------------	--------------------	---------------------

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104,03	30,00	29%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>104,03</b>	<b>30,00</b>	<b>29%</b>
Chi phí trực tiếp	76,13	23,40	31%
Chi phí gián tiếp	3,69	3,87	105%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>79,82</b>	<b>27,27</b>	<b>34%</b>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ &amp; KHẤU HAO</b>	<b>24,21</b>	<b>2,73</b>	<b>11%</b>
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	0,53	0,53	100%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,80	0,80	100%
Thu nhập tài chính	30,91	0,07	0%
Chi phí tài chính	38,16	1,20	3%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>15,63</b>	<b>0,26</b>	<b>2%</b>
Thuế TNDN	3,18	0,18	6%
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>12,45</b>	<b>0,08</b>	<b>1%</b>

#### 5. Saigon Pleiku:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Tổng sản lượng theo năm (m3)	2.611.579	2.737.500	105%
Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)	7.155	7.500	105%
Giá bình quân (VND/m3)	4.634	4.634	100%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,10	12,69	105%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>12,11</b>	<b>12,69</b>	<b>105%</b>
Chi phí trực tiếp	4,86	5,31	109%
Chi phí gián tiếp	1,57	1,75	112%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>6,43</b>	<b>7,07</b>	<b>110%</b>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ &amp; KHẤU HAO</b>	<b>5,68</b>	<b>5,62</b>	<b>99%</b>
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	8,29	8,29	100%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,08	0,08	100%
Thu nhập tài chính	0,00	-	0%
Chi phí tài chính	10,02	11,24	112%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(12,72)</b>	<b>(14,00)</b>	<b>110%</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>(12,72)</b>	<b>(14,00)</b>	<b>110%</b>

a. Các chỉ tiêu chính:

- Với sản lượng ghi thu dự kiến trong năm 2019 là 7.500 m3/ngày, doanh thu bán sỉ được cải thiện, tuy nhiên mức tăng không nhiều (5%) do giá bán không tăng. Các chi phí hoạt động tăng theo sản lượng cũng như dự phòng mức trượt giá. Chi phí lãi vay cũng tăng do Công ty phát sinh thêm các khoản vay từ cổ đông để trang trải kinh phí hoạt động và thanh toán nghĩa vụ nợ.



- Công ty tuy có EBITDA dương nhưng do phải gánh chi phí khấu hao và lãi vay lớn nên dự kiến lợi nhuận sau thuế -14 tỷ đồng.

b. Các công việc cần thực hiện:

- Khó khăn chính của Saigon Pleiku là đàm phán với CTCP Cấp thoát nước Gia Lai để tăng sản lượng cũng như giá bán. Tuy nhiên do Công ty Gia Lai cũng đang gặp khó khăn nên không thể tăng sản lượng và giá bán như mong muốn. Ban Điều hành Saigon Pleiku cần đẩy mạnh tìm kiếm các khách hàng mới.
- Hiện nay, Saigon Water đang hỗ trợ cho Saigon Pleiku hơn 20 tỷ, dự kiến trong năm 2019 sẽ hỗ trợ thêm khoảng 31,5 tỷ nữa nhằm giúp Saigon Pleiku thanh toán các nghĩa vụ nợ và kinh phí hoạt động. Tuy nhiên, do tình hình tài chính của Saigon Water còn nhiều khó khăn, hiệu quả của việc hỗ trợ tài chính cho Saigon Pleiku cũng phụ thuộc nhiều vào thiện chí và khả năng hỗ trợ của các cổ đông khác.

6. CTCP Nước Sài Gòn – An Khê:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Tổng sản lượng theo năm (m3)	934.499	1.663.309	178%
Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)	2.560	5.100	199%
Giá bình quân (VND/m3)	5.158	6.700	130%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>10,47</b>	<b>11,14</b>	<b>106%</b>
Chi phí trực tiếp	9,08	5,28	58%
Chi phí gián tiếp	1,20	1,66	138%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>10,28</b>	<b>6,93</b>	<b>67%</b>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ &amp; KHẤU HAO</b>	<b>0,19</b>	<b>4,21</b>	<b>2231%</b>
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	3,77	7,80	207%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,09	0,06	67%
Thu nhập tài chính	0,10	-	0%
Chi phí tài chính	5,60	10,35	185%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(9,17)</b>	<b>(14,00)</b>	<b>153%</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>(9,17)</b>	<b>(14,00)</b>	<b>153%</b>

a. Các chỉ tiêu chính:

- An Khê chỉ mới đi vào hoạt động vào tháng 06/2018 nên sản lượng bình quân hàng ngày còn thấp. Dự kiến trong năm 2019 sản lượng có thể đạt khoảng 1,8 triệu m3 tương đương với khoảng 5.100 m3/ngày với mức giá bán lẻ bình quân đạt khoảng 6.700 đồng/m3. Điều này giúp doanh thu thuần về phân phối nước tăng từ khoảng 4,8 tỷ năm 2018 lên 11 tỷ năm 2019.

- Mặt khác, dự kiến hoạt động lắp đặt đồng hồ sẽ giảm đáng kể trong năm 2019 do đã thực hiện phần lớn trong năm 2018. Điều này cũng khiến chi phí trực tiếp giảm mạnh do chi phí lắp đặt đồng hồ giảm đáng kể.
- Các chi phí khấu hao nhà máy và chi phí lãi vay tăng mạnh trong năm 2019 (gấp khoảng 2 lần năm 2018). Nguyên nhân là do các chi phí này chỉ mới được ghi nhận vào chi phí trong kỳ từ tháng 07/2018. Điều này dẫn đến việc tuy EBITDA dương nhưng chi phí khấu hao và lãi vay cao khiến lợi nhuận sau thuế âm khoảng 14 tỷ.

b. Các công việc cần thực hiện:

- Công ty Saigon – An Khê dự kiến sẽ gặp khó khăn về tài chính do nguồn thu chưa đủ bù đắp các chi phí lãi vay và khấu hao. Do đó Công ty cần đẩy mạnh việc tăng lượng đầu nối để tăng doanh thu, đồng thời thực hiện việc trình tăng giá nước bán lẻ.
- Trong trường hợp An Khê cần được hỗ trợ tài chính, việc đánh giá khả năng hoàn trả khoản hỗ trợ của Công ty cũng như khả năng và thiện chí hỗ trợ của các cổ đông khác cũng cần được xem xét đánh giá.

7. CTCP Cấp thoát nước Gia Lai:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Tổng sản lượng theo năm (m3)	5.984.215	6.650.108	111%
Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)	16.395	18.219	111%
Giá bình quân (VND/m3)	6.569	7.437	113%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46,05	54,10	117%
Thu nhập khác	0,58	0,24	41%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>46,63</b>	<b>54,34</b>	<b>117%</b>
Chi phí trực tiếp	31,13	30,80	99%
Chi phí gián tiếp	11,44	13,50	118%
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>42,57</b>	<b>44,29</b>	<b>104%</b>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ &amp; KHẤU HAO</b>	<b>4,06</b>	<b>10,05</b>	<b>247%</b>
Khấu hao tài sản cố định	7,83	8,77	112%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,78	0,78	100%
Thu nhập tài chính	1,45	-	0%
Chi phí tài chính	0,64	0,47	73%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(3,74)</b>	<b>0,02</b>	<b>-1%</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>(3,74)</b>	<b>0,02</b>	<b>-1%</b>

Hiện nay, Ban Điều hành vẫn tiếp tục tập trung (1) cải tạo dịch vụ cấp nước thành dịch vụ 24/7; (2) bổ sung và đầu nối khách hàng mới, đồng thời khôi phục khách hàng cũ hoặc khách hàng ngưng sử dụng; (3) mở rộng tuyến ống tại Pleiku; và (4) giảm thất thoát nước. Sản lượng ghi thu dự kiến trong năm 2019 là khoảng 6,65 triệu m3 tương

đương với 18.000 m<sup>3</sup>/ ngày, đồng thời giá bán bình quân tăng lên khoảng 7.400 đồng/m<sup>3</sup>. Điều này góp phần giúp doanh thu phân phối nước của Công ty tăng gần 8 tỷ so với năm 2018, tương ứng với mức tăng khoảng 17%.

Vì vậy, mặc dù các chi phí hoạt động và chi phí khấu hao đều tăng, lợi nhuận sau thuế của Công ty dự kiến sẽ được cải thiện hơn so với năm 2018.

#### 8. CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp:

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018 (ước tính)	2019 (kế hoạch)	2019 so với 2018
Tổng sản lượng theo năm (m <sup>3</sup> )	68.720.910	100.450.000	146%
Sản lượng hàng ngày (m <sup>3</sup> /ngày)	188.276	275.205	146%
Giá bình quân (VND/m <sup>3</sup> )	3.982	4.314	108%
Doanh thu thuần	273,65	433,34	158%
Tổng chi phí hoạt động	98,65	163,24	165%
<b>EBITDA</b>	<b>175,00</b>	<b>270,11</b>	<b>154%</b>
Khấu hao tài sản cố định	67,79	67,79	100%
Thu nhập tài chính	0,05	-	0%
Chi phí tài chính	72,06	68,38	95%
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>35,21</b>	<b>133,93</b>	<b>380%</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>35,21</b>	<b>133,93</b>	<b>380%</b>
<b>LỢI NHUẬN GHI NHẬN VÀO SII</b>	<b>15,14</b>	<b>57,59</b>	<b>380%</b>


Sản lượng ghi thu dự kiến trong năm 2019 sẽ đạt khoảng 100 triệu m<sup>3</sup>, tương đương với sản lượng bình quân đạt 275.000 m<sup>3</sup>/ngày. Mức sản lượng này được ước tính dựa trên giả định Công ty đạt mức sản lượng 250.000 m<sup>3</sup>/ngày trong 06 tháng đầu năm 2019, sau đó sẽ đạt 300.000 m<sup>3</sup>/ngày. Mức giá bán trong Quý 1/2019 là 4.013 đồng/m<sup>3</sup>, sau đó tăng lên đến 4.314 đồng/m<sup>3</sup> trong 3 quý còn lại. Điều này dẫn đến lợi nhuận trước lãi vay và khấu hao tăng khoảng 53% so với năm 2018. Với việc chi phí khấu hao không thay đổi, chi phí lãi vay dự kiến giảm 5% do thanh toán 1 phần nợ gốc, lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể đạt mức 134 tỷ đồng, tăng gần 4 lần so với năm 2018.

Ban Điều hành kính trình Hội đồng Quản trị thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 như trên.

Trân trọng kính trình,

Nơi gửi:

- Như trên;
- BDH;
- Lưu: VP, Văn thư (2).


**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN VĂN THÀNH**